

DEVELOPING LANGUAGE PROFICIENCY FOR STUDENTS IN ETHNIC MINORITY BOARDING SCHOOLS: A CASE STUDY OF KHMER ETHNIC STUDENTS IN THE MEKONG DELTA REGION

Nguyen Van De¹, Nguyen Thi Thu Hang^{*2},
Thieu Van Nam³, Duong Thi Hang⁴

* Corresponding author
Email: hangntt@vinhuni.edu.vn

¹ Email: nvde@dtu.edu.vn
Dong Thap University
783, Pham Huu Lau street, Cao Lanh ward,
Dong Thap province, Vietnam

² Vinh University
182 Le Duan street, Truong Vinh ward,
Nghe An province, Vietnam

³ Email: thieunam.kiengiang@gmail.com
An Giang Department of Education and Training
131 Dong Da, Vinh Lac ward,
Kien Giang province, Vietnam

⁴ Email: dthang87@dtu.edu.vn
Dong Thap University
783, Pham Huu Lau street, Cao Lanh ward,
Dong Thap province, Vietnam

Received: 30/6/2025
Revised: 12/9/2025
Accepted: 10/10/2025
Published: 20/11/2025

Abstract: The 2018 General education curriculum in Vietnam is oriented toward developing students' qualities and competencies through the acquisition of essential, practical, and modern knowledge and skills. It promotes a harmonious development of morality, intellect, physical well-being, and aesthetics. One of its core focuses is encouraging students to engage in practical activities and apply what they have learned to solve real-life and academic problems. Within this educational framework, language proficiency plays a foundational role. It equips learners with the ability to use spoken and written language accurately and appropriately in terms of pronunciation, vocabulary, and grammar. Importantly, language competency is not only a goal in itself but also serves as a catalyst for the development of other key competencies, such as critical thinking and communication skills. This study aims to examine the current state of language proficiency among students, particularly those from the Khmer ethnic group, and to evaluate how language enrichment activities are being managed and implemented. By analyzing the challenges and strengths observed in the educational context of these students, the research seeks to propose a model for developing language proficiency in ethnic minority boarding schools in the Mekong Delta, so as to meet the demands of ongoing educational reform.

Keywords: *Development, language proficiency, Khmer ethnic students, process, model.*

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỬ DỤNG NGÔN NGỮ CHO HỌC SINH TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP HỌC SINH NGƯỜI KHMER Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Nguyễn Văn Đệ¹, Nguyễn Thị Thu Hằng^{*2},
Thieu Văn Nam³, Dương Thị Hằng⁴

* Tác giả liên hệ
Email: hangntt@vinhuni.edu.vn

¹ Email: nvde@dtu.edu.vn
Trường Đại học Đồng Tháp
783, Phạm Hữu Lầu, phường Cao Lãnh,
tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

² Trường Đại học Vinh
182 Lê Duẩn, phường Trường Vinh,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam

³ Email: thieunam.kiengiang@gmail.com
Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang
131 Đồng Đa, phường Vĩnh Lạc,
tỉnh An Giang, Việt Nam

⁴ Email: dthang87@dtu.edu.vn
Trường Đại học Đồng Tháp
783, Phạm Hữu Lầu, phường Cao Lãnh,
tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Nhận bài: 30/6/2025
Chỉnh sửa xong: 12/9/2025
Chấp nhận đăng: 10/10/2025
Xuất bản: 20/11/2025

Tóm tắt: Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 nhằm phát triển phẩm chất và năng lực học sinh với những kiến thức, kỹ năng cơ bản, thiết thực, hiện đại; hài hòa đức, trí, thể, mỹ; chú trọng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống. Theo đó, phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ sẽ giúp người học có khả năng sử dụng chính xác ngôn ngữ nói và viết trên cả ba phương diện: ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp; nhờ có năng lực ngôn ngữ mà người học phát triển được các năng lực khác như năng lực tư duy, năng lực giao tiếp. Nghiên cứu này sẽ tập trung đánh giá và phân tích thực trạng năng lực sử dụng ngôn ngữ của học sinh và quản lý hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh người Khmer; từ đó, đề xuất mô hình phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh người Khmer ở các trường phổ thông dân tộc nội trú vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Từ khóa: *Phát triển, năng lực sử dụng ngôn ngữ, học sinh người Khmer, quy trình, mô hình.*

1. Đặt vấn đề

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 xác định năng lực sử dụng ngôn ngữ sẽ giúp người học có khả năng sử dụng chính xác ngôn ngữ nói và viết trên cả ba phương diện: Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp; nhờ có năng lực ngôn ngữ mà người học phát triển được các năng lực khác như năng lực tư duy, năng lực giao tiếp (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Đồng thời, để tổ chức lớp học theo tiếp cận lấy học sinh và lấy việc học làm trung tâm hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh có vai trò then chốt nhằm giúp người học tự kiến tạo tri thức tích cực, tự phản ánh thế giới theo kinh nghiệm riêng của mình (Bernd, M. & Nguyễn Văn Cường, 2014). Trường phổ thông dân tộc nội trú ở Việt Nam là trường chuyên biệt dành cho học sinh các dân tộc thiểu số, có vai trò quan trọng trong đào tạo nguồn nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, góp phần vào công cuộc xây dựng phát triển kinh tế - xã hội của vùng dân tộc, vùng sâu và miền núi. Tuy nhiên, hầu hết học sinh người dân tộc thiểu số xuất thân từ những gia đình sống ở vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn nên nhìn chung vẫn có những khó khăn về điều kiện kinh tế gia đình; đồng thời, năng lực tiếp cận, kĩ năng sống, kĩ năng hòa nhập và vốn tiếng Việt, tiếng Anh của nhiều học sinh còn hạn chế (Nguyễn Thị Thu Huyền & Đặng Quốc Bảo, 2013).

Hiện nay, Việt Nam có 315 trường phổ thông dân tộc nội trú tại 49 tỉnh, thành phố với tổng số 109.245 học sinh nội trú. Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long có 375 km chung đường biên giới với Cam Pu Chia; đồng bào các dân tộc thiểu số Khmer, Chăm và Hoa sống tập trung đông nhất tại các tỉnh: Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang, An Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Vĩnh Long, Hậu Giang và Thành phố Cần Thơ, với trên 1,2 triệu người. Khu vực này hiện có 242.000 học sinh người dân tộc thiểu số đang học ở các cấp học; trong đó, có 35 trường phổ thông dân tộc nội trú với 11.184 học sinh người dân tộc Khmer, Chăm, Hoa theo học. Cùng với đó, chương trình dạy và học tiếng nói, chữ viết dân tộc thiểu số (đặc biệt tiếng Khmer) trong các trường phổ thông ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long bước đầu đã được chú trọng; công tác bồi dưỡng giáo viên trong và ngoài biên chế dạy tiếng Khmer đang được quan tâm, có 358 trường phổ thông trong vùng với 69.695 học sinh đang được tổ chức dạy học tiếng Khmer là môn ngoại ngữ 2 (Thieu, V. N. & Nguyen, P. H., 2020). Đồng thời, ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, cấp Tiểu học tất cả học sinh người Khmer học chung cùng trường, cùng lớp với học sinh người

Kinh; nghĩa là khi đến trường sử dụng tiếng Việt, khi về nhà nói và nghe bằng tiếng Khmer, dẫn đến hệ lụy khi vào học cấp Trung học cơ sở trường phổ thông dân tộc nội trú rất nhiều học sinh tiếng Việt chưa thông thạo, còn tiếng Khmer không biết viết. Do vậy, việc nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, tiếng Khmer và tiếng Anh cho học sinh ở các trường phổ thông dân tộc nội trú vùng Đồng bằng Sông Cửu Long có ý nghĩa vô cùng quan trọng; không chỉ là phương tiện hỗ trợ giao tiếp mà quan trọng hơn cả đó là hướng đến mục đích giúp học sinh ở trường phổ thông dân tộc nội trú có được tâm thế, động cơ, năng lực để cùng giáo viên triển khai việc dạy và học tập một cách hiệu quả (Thieu Văn Nam, 2020; Lê Hoàng Dự, 2021).

Bài viết tập trung đánh giá và phân tích thực trạng năng lực sử dụng ngôn ngữ của học sinh và quản lí hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh người Khmer; từ đó đề xuất mô hình phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh người Khmer ở các trường phổ thông dân tộc nội trú vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu và khảo sát

2.1.1. Phương pháp phân tích tài liệu

Nghiên cứu, phân tích tài liệu trong nước, ngoài nước có liên quan đến năng lực sử dụng ngôn ngữ của học sinh và hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh; từ đó tìm ra cơ sở lí luận có liên quan đến quản lí hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh người Khmer. Thu thập và phân tích các thông tin lấy được từ nguồn phỏng vấn để so sánh và đối chiếu với kết quả khảo sát từ phiếu hỏi về năng lực sử dụng ngôn ngữ của học sinh và quản lí hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh người Khmer ở các trường phổ thông dân tộc nội trú vùng Đồng bằng Sông Cửu Long.

2.1.2. Phương pháp phỏng vấn

Phương pháp phỏng vấn sâu được dùng chủ yếu để nghiên cứu sơ bộ và kiểm tra lại các thông tin với nguồn thông tin thu thập. Mẫu chọn để phỏng vấn sâu được cấu trúc theo phương pháp thuận tiện, cỡ mẫu là 12 người đang tham gia quản lí và giảng dạy ở một số trường phổ thông dân tộc nội trú vùng Đồng bằng Sông Cửu Long gồm: 06 cán bộ quản lí được mã hóa từ cán bộ quản lí C1 đến cán bộ quản lí C6 và 06 giáo viên được mã hóa từ giáo viên V1 đến

giáo viên V6. Phương pháp tiến hành là trao đổi qua trò chuyện trực tiếp hoặc qua các phương tiện giáo tiếp khác nhằm phân tích về năng lực sử dụng ngôn ngữ của học sinh người Khmer và quản lý hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh người Khmer.

2.1.3. Phương pháp khảo sát, điều tra bằng bảng hỏi

Sử dụng chủ yếu đối tượng là cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh ở các trường phổ thông dân tộc nội trú vùng Đồng bằng Sông Cửu Long để phân tích 03 nội dung được mã hóa: (G1) Năng lực sử dụng ngôn ngữ của học sinh người Khmer ở các trường phổ thông dân tộc nội trú, gồm 7 thành tố: 1) Năng lực đọc sách tiếng Việt; 2) Năng lực viết tiếng Việt; 3) Năng lực nói tiếng Khmer; 4) Năng lực viết tiếng Khmer; 5) Năng lực nói tiếng Anh; 6) Năng lực viết tiếng Anh; 7) Năng lực đọc sách tiếng Anh. (G2) Hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh người Khmer ở các trường phổ thông dân tộc nội trú, gồm 4 thành tố: 1) Mục tiêu bồi dưỡng năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh người Khmer; 2) Nội dung bồi dưỡng năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh người Khmer; 3) Phương pháp bồi dưỡng năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh người Khmer; 4) Hình thức bồi dưỡng năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh người Khmer. (G3) Quản lý hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh người Khmer ở các trường phổ thông dân tộc nội trú, gồm 4 thành tố: 1) Lên kế hoạch bồi dưỡng năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh người Khmer; 2) Tổ chức thực hiện bồi dưỡng năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh người Khmer; 3) Chỉ đạo thực hiện bồi dưỡng năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh người Khmer; 4) Kiểm tra, rà soát hoạt động bồi dưỡng năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh người Khmer.

- Nghiên cứu này sử dụng một mẫu thuận tiện

bao gồm 958 người tham gia (328 cán bộ quản lý, giáo viên và 630 học sinh) của 22/35 trường phổ thông dân tộc nội trú ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long; Số lượng chi tiết về cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh tham gia phản hồi khảo sát được thể hiện trong Bảng 1.

Cơ cấu về giới tính và dân tộc: tỉ lệ cán bộ quản lý và giáo viên nữ trong mẫu khảo sát là trên 60%; tỉ lệ học sinh nữ là trên 42%; tỉ lệ học sinh người Khmer là trên 98%. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, xấp xỉ 100% cán bộ quản lý và giáo viên ở các trường phổ thông dân tộc nội trú đã đạt chuẩn về trình độ đào tạo; đặc biệt, hơn 2% có trình độ đào tạo Thạc sĩ.

Tất cả những người tham gia đều được giải thích rõ ràng rằng, họ có thể tự do rút lui khỏi nghiên cứu bất cứ lúc nào; quyền riêng tư của người tham gia được đảm bảo liên quan đến thông tin họ cung cấp trong bảng câu hỏi; không có câu hỏi hoặc phát biểu nào yêu cầu người tham gia cung cấp tên hoặc trường nơi họ đang công tác và học tập.

2.2. Cách thức xử lý số liệu khảo sát

Tất cả các biến quan sát được trong nghiên cứu này đều được đo bằng thang đo Likert 5 điểm, được thiết kế riêng để nắm bắt các mức độ khác nhau về triển khai, hiệu quả hoặc ảnh hưởng, tùy thuộc vào cấu trúc cụ thể đang được đánh giá. Các phản hồi được mã hóa theo số từ 1 (mức thấp nhất) đến 5 (mức cao nhất). Để diễn giải các phản hồi theo thang đo Likert, phạm vi được chia thành 5 khoảng bằng nhau bằng công thức: (Tối đa - Tối thiểu)/Số mức = (5-1)/5 = 0,8. Dựa trên phép tính này, ngưỡng diễn giải được thiết lập như sau: Mức 1: từ 1,0 đến dưới 1,8, Mức 2: từ 1,8 đến dưới 2,6, Mức 3: từ 2,6 đến dưới 3,4, Mức 4: từ 3,4 đến dưới 4,2 và Mức 5: từ 4,2 đến 5,0. Ngoài thống kê mô tả trung bình (Mean) và độ lệch chuẩn (SD), nghiên cứu đã đánh giá tính nhất quán nội tại tại của từng thang đo bằng hệ số Alpha của Cronbach

Bảng 1: Đặc điểm của mẫu nghiên cứu theo chức vụ

Loại hình trường phổ thông dân tộc nội trú	Chức vụ		Tổng cộng	Tỉ lệ
	Cán bộ quản lý và giáo viên	Học sinh		
- Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở	158	296	454	47,3%
- Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông	50	86	136	14,2%
- Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông	120	248	368	38,5%
Tổng cộng	328	630	958	100%

(Alpha - α); giá trị Alpha của Cronbach từ 0,70 trở lên được coi là chấp nhận được, cho thấy các thang đo đã chứng minh được độ tin cậy thỏa đáng khi đo lường các cấu trúc dự định của chúng (Nguyễn Văn Độ & Phạm Minh Hùng, 2013).

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ của học sinh người Khmer ở các trường phổ thông dân tộc nội trú vùng Đồng bằng Sông Cửu Long

Ở Bảng 2 kết quả tự đánh giá của học sinh và đánh giá của cán bộ quản lí/giáo viên về năng lực sử dụng ngôn ngữ của học sinh người Khmer ở các trường phổ thông dân tộc nội trú, có thể chia 7 thành tố bởi 3 nhóm, cụ thể: 1) Nhóm 1 là các thành tố năng lực có điểm trung bình đánh giá lớn hơn 3,40 bao gồm: năng lực đọc sách tiếng Việt, năng lực viết tiếng Việt, năng lực nói tiếng Khmer; 2) Nhóm 2 là các thành tố năng lực có điểm trung bình đánh giá nhỏ hơn 3,40 nhưng lớn hơn 2,60 bao gồm: năng lực nói tiếng Anh, năng lực viết tiếng Anh; 3) Nhóm 3 là các thành tố năng lực có điểm trung bình đánh giá nhỏ hơn 2,60 bao gồm: năng lực viết tiếng Khmer; Năng lực đọc sách tiếng Anh.

So sánh điểm trung bình đánh giá giữa các nhóm chỉ báo về thành tố năng lực sử dụng ngôn ngữ của học sinh cho thấy có một sự chênh lệch nhỏ; trong đó, được đánh giá thấp nhất là: năng lực viết tiếng Khmer và đọc sách tiếng Anh. Đồng thời, bảng điểm tự đánh giá của học sinh và cán bộ quản lí/giáo viên

đều chỉ ra rằng: năng lực sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt, tiếng Khmer và tiếng Anh trên các phương diện đọc, nói, viết đang ở mức trung bình; đây cũng có thể là những khó khăn khi học sinh muốn tự học, tự phát triển.

Theo cán bộ quản lí C1: “Khi vào học ở trường phổ thông dân tộc nội trú rất nhiều học sinh người Khmer còn bỡ ngỡ, lúng túng sử dụng tiếng Việt, còn tiếng Anh thì cảm giác rất xa lạ”; còn theo giáo viên V1: “Khi các em nói chuyện với nhau chủ yếu sử dụng tiếng Khmer” và quan điểm này được sự đồng tình của giáo viên V2 và V6. Do vậy, việc nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, tiếng Khmer và tiếng Anh cho học sinh người Khmer có ý nghĩa vô cùng quan trọng; nó không chỉ là phương tiện hỗ trợ giao tiếp, mà quan trọng hơn cả đó là hướng đến mục đích giúp học sinh ở trường phổ thông dân tộc nội trú vùng Đồng bằng Sông Cửu Long nâng cao chất lượng học tập.

Bảng 3 trình bày kết quả đánh giá liên quan đến triển khai các hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh người Khmer ở các trường phổ thông dân tộc nội trú, dựa trên phản hồi từ cả học sinh và cán bộ quản lí/giáo viên. Về mục tiêu của bồi dưỡng năng lực sử dụng ngôn ngữ, học sinh đánh giá điểm trung bình là $M = 4,48$ ($SD = 0,66$; $\alpha = 0,72$), trong khi cán bộ quản lí và giáo viên đưa ra đánh giá thấp hơn một chút là $M = 4,31$ ($SD = 0,68$; $\alpha = 0,81$). Những điểm số cao này cho thấy cả hai nhóm đều nhận thấy mục tiêu nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh được xác định rõ

Bảng 2: Kết quả đánh giá thực trạng năng lực sử dụng ngôn ngữ của học sinh người Khmer ở các trường phổ thông dân tộc nội trú vùng Đồng bằng Sông Cửu Long

Các thành tố đánh giá	Tự đánh giá của học sinh			Đánh giá của cán bộ quản lí và giáo viên		
	Trị trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (SD)	Hệ số tin cậy (Alpha)	Trị trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (SD)	Hệ số tin cậy (Alpha)
1. Năng lực đọc sách tiếng Việt	3,42	0,77	0,76	3,41	0,76	0,80
2. Năng lực viết tiếng Việt	3,44	0,79	0,81	3,43	0,84	0,81
3. Năng lực nói tiếng Khmer	3,82	0,66	0,76	3,68	0,85	0,82
4. Năng lực viết tiếng Khmer	2,46	0,72	0,70	2,38	0,71	0,76
5. Năng lực nói tiếng Anh	2,82	0,68	0,75	2,76	0,82	0,75
6. Năng lực viết tiếng Anh	2,92	0,80	0,79	2,91	0,74	0,71
7. Năng lực đọc sách tiếng Anh	2,38	0,73	0,77	2,28	0,70	0,75

Bảng 3. Đánh giá thực trạng hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh người Khmer ở các trường phổ thông dân tộc nội trú vùng Đồng bằng Sông Cửu Long

Các thành tố đánh giá	Tự đánh giá của học sinh			Đánh giá của cán bộ quản lí và giáo viên		
	Trị trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (SD)	Hệ số tin cậy (Alpha)	Trị trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (SD)	Hệ số tin cậy (Alpha)
1. Mục tiêu bồi dưỡng năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh.	4,48	0,66	0,72	4,31	0,68	0,81
2. Nội dung bồi dưỡng năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh.	4,32	0,79	0,72	4,28	0,84	0,75
3. Phương pháp bồi dưỡng năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh.	3,53	0,80	0,78	3,47	0,79	0,76
4. Hình thức bồi dưỡng năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh.	3,58	0,82	0,75	3,51	0,87	0,79

ràng và cần thiết. Tính nhất quán của các phản hồi là thỏa đáng đối với học sinh và đặc biệt cao đối với cán bộ quản lí và giáo viên, cho thấy phép đo đáng tin cậy. Nội dung bồi dưỡng năng lực sử dụng ngôn ngữ được học sinh đánh giá ở mức $M = 4,32$ ($SD = 0,79$; $\alpha = 0,72$), trong khi cán bộ quản lí và giáo viên đưa ra điểm số gần như tương đương là $M = 4,28$ ($SD = 0,84$; $\alpha = 0,75$). Những phát hiện này cho thấy chương trình bồi dưỡng được coi là toàn diện và tích hợp tốt.

Ngược lại, các phương pháp bồi dưỡng được đánh giá thấp hơn; học sinh đánh giá với điểm trung bình là $M = 3,53$ ($SD = 0,80$; $\alpha = 0,78$) và cán bộ quản lí/giáo viên đánh giá thành phần này ở mức $M = 3,47$ ($SD = 0,79$; $\alpha = 0,76$). Những điểm số trung bình này cho thấy sự thiếu đa dạng hoặc đổi mới trong các phương pháp giảng dạy, chẳng hạn như sử dụng học tập theo trải nghiệm, nghiên cứu tình huống thực tế, thực hành. Tương tự như vậy, các hình thức bồi dưỡng như hội thảo ngoại khóa, hướng dẫn dựa trên phương tiện truyền thông và các cuộc thi về sử dụng ngôn ngữ nhận được đánh giá ở mức trung bình; học sinh là $M = 3,58$ ($SD = 0,82$; $\alpha = 0,75$), trong khi cán bộ quản lí và giáo viên với $M = 3,51$ ($SD = 0,87$; $\alpha = 0,79$). Đánh giá thực hiện triển khai các hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh người Khmer ở các trường phổ thông dân tộc nội trú, theo giáo viên V3: “Các hình thức tổ chức bồi dưỡng năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh chưa được tối ưu hóa hoàn toàn hoặc chưa được triển khai đồng bộ”. Quan điểm này cũng được sự đồng tình của giáo viên V4 và V5. Theo cán bộ

quản lí C2: “Kết quả đánh giá tương đối thấp đối với các phương pháp và hình thức bồi dưỡng đang đặt ra nhu cầu đổi mới phương thức bồi dưỡng nhằm mang lại những cơ hội có giá trị, cần có sự can thiệp chính sách để nâng cao hiệu quả chung của hoạt động bồi dưỡng năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh người Khmer ở các trường phổ thông dân tộc nội trú”. Nhận định này được sự đồng tình của cán bộ quản lí C4, C5 và C6.

Bảng 4 đánh giá hiệu quả quản lí các hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh người Khmer ở các trường phổ thông dân tộc nội trú. Về chức năng lập kế hoạch, học sinh đánh giá hiệu quả ở mức $M = 3,49$ ($SD = 0,65$; $\alpha = 0,70$), trong khi cán bộ quản lí và giáo viên đưa ra số điểm cao hơn một chút là $M = 3,56$ ($SD = 0,66$; $\alpha = 0,72$). Những đánh giá ở mức trung bình này cho thấy rằng, mặc dù các cơ chế lập kế hoạch cơ bản đã được áp dụng, vẫn có thể có những thiếu sót trong các lĩnh vực như phân bổ nguồn lực hoạt động bồi dưỡng. Về chức năng tổ chức thực hiện hoạt động bồi dưỡng học sinh đánh giá $M = 3,58$ ($SD = 0,79$; $\alpha = 0,80$), trong khi cán bộ quản lí và giáo viên đánh giá cao hơn ở mức $M = 3,68$ ($SD = 0,83$; $\alpha = 0,72$). Chức năng chỉ đạo, cả hai nhóm học sinh ở mức $M = 3,33$ ($SD = 0,81$; $\alpha = 0,82$) và cán bộ quản lí/giáo viên ở mức $M = 3,37$ ($SD = 0,89$; $\alpha = 0,84$). Những kết quả này cho thấy rằng, có thể đang thiếu sự đổi mới hoặc khả năng tự bồi dưỡng của học sinh. Chức năng kiểm tra và rà soát nhận được đánh giá hiệu quả cao nhất trong tất cả các thành phần quản lí, với học sinh đánh giá điểm trung bình là $M = 3,68$ ($SD = 0,72$; $\alpha = 0,75$), trong khi cán bộ quản lí và giáo viên đánh

Bảng 4: *Đánh giá thực trạng quản lý hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh người Khmer ở các trường phổ thông dân tộc nội trú vùng Đồng bằng Sông Cửu Long*

Các thành tố đánh giá	Tự đánh giá của học sinh			Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên		
	Trị trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (SD)	Hệ số tin cậy (Alpha)	Trị trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (SD)	Hệ số tin cậy (Alpha)
1. Lên kế hoạch bồi dưỡng năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh.	3,49	0,65	0,70	3,56	0,66	0,72
2. Tổ chức thực hiện bồi dưỡng năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh.	3,58	0,79	0,80	3,68	0,83	0,72
3. Chỉ đạo thực hiện bồi dưỡng năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh.	3,33	0,81	0,82	3,37	0,89	0,84
4. Kiểm tra, rà soát hoạt động bồi dưỡng năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh.	3,68	0,72	0,75	3,71	0,77	0,79

giá $M = 3,71$ ($SD = 0,77$; $\alpha = 0,79$). Như vậy, các hệ thống rà soát và đánh giá được phát triển tương đối tốt và được áp dụng nhất quán. Theo cán bộ quản lý C3: “Trong tổ chức và chỉ đạo, cần chú trọng khuyến khích sự sáng tạo của học sinh; đặc biệt, cần quan tâm đến tính đặc thù, tính chuyên biệt của học sinh người Khmer”. Phòng vấn 06 cán bộ quản lý và hầu hết đều đồng ý cho rằng: “Đòi hỏi trách nhiệm của các cấp quản lý cần thường xuyên tổ chức, triển khai hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh người Khmer nhằm hướng đến nâng cao chất lượng học tập ở các trường phổ thông dân tộc nội trú vùng Đồng bằng Sông Cửu Long”.

3.2. Đề xuất mô hình tổ chức hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh người Khmer ở các trường phổ thông dân tộc nội trú vùng Đồng bằng Sông Cửu Long

3.2.1. Mục đích triển khai mô hình

Nhằm xây dựng môi trường học tập ngôn ngữ, tạo điều kiện để học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú rèn luyện và trau dồi khả năng sử dụng tiếng Việt, tiếng Khmer và tiếng Anh. Cụ thể: 1) Phát triển kỹ năng nghe - nói tiếng Việt, tiếng Khmer và tiếng Anh cho học sinh; 2) Tạo môi trường thực hành ngôn ngữ tích cực để học sinh thể hiện những hiểu biết, tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề về các chủ đề học sinh, giáo viên quan tâm; đồng thời nhằm sử dụng “nhóm bạn giúp bạn” để các HS có cùng hoàn cảnh, cùng trải nghiệm có thể hỗ trợ tốt nhất cho bạn, trau dồi kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thảo luận, tranh biện.

3.2.2. Đối tượng tham gia thực hiện mô hình

Nhóm giáo viên chuyên trách là những giáo viên của trường phổ thông dân tộc nội trú (ưu tiên các giáo viên biết tiếng Việt và tiếng Khmer, giáo viên môn Ngữ văn, Tiếng Anh, giáo viên chủ nhiệm, công tác đoàn, hội).

Nhóm học sinh tình nguyện: Tình nguyện viên là cựu học sinh có khả năng sử dụng hai ngôn ngữ, học sinh có học lực khá, giỏi và nhiệt tình trong hoạt động xã hội (nay gọi là học sinh tình nguyện hoặc tình nguyện viên).

3.2.3. Đối tượng thụ hưởng mô hình: Học sinh gặp khó khăn về ngôn ngữ (nay gọi là người tham gia, người thụ hưởng)

3.2.4. Cách thức thực hiện mô hình

a. Quy trình “Nhóm bạn cùng tiến” để nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt và tiếng Khmer cho học sinh ở trường phổ thông dân tộc nội trú vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (Sơ đồ 1)

Bước 1. Khảo sát nhu cầu: Nhóm giáo viên chuyên trách phối hợp với Đoàn Thanh niên và học sinh tình nguyện khảo sát nhu cầu của học sinh ở trường phổ thông dân tộc nội trú; đồng thời, Đoàn Thanh niên thông báo tuyển học sinh tình nguyện là học sinh có thành tích học tập khá, giỏi, là học sinh có kỹ năng sử dụng song ngữ tham gia hỗ trợ các bạn gặp khó khăn.

Bước 2. Soạn thảo chương trình bồi dưỡng: Nhóm giáo viên chuyên trách sẽ soạn thảo chương trình bồi dưỡng ngôn ngữ theo hình thức tổ chức các hoạt động vui - học; lãnh đạo nhà trường sẽ tổ chức thẩm

định và góp ý cho chương trình bồi dưỡng này.

Bước 3. Tổ chức các buổi tập huấn cho học sinh tình nguyện: Nhóm giáo viên chuyên trách tổ chức tập huấn cho học sinh tình nguyện cách tổ chức các hoạt động; nội dung tập huấn bao gồm: giới thiệu các chủ điểm ngôn ngữ trong chương trình bồi dưỡng và hướng dẫn cách tổ chức các hoạt động. Các học sinh tình nguyện sẽ thực hành tổ chức hoạt động theo nhóm dưới sự hướng dẫn và góp ý của nhóm giáo viên giáo viên chuyên trách.

Bước 4. Tổ chức các buổi học, kiểm tra và giám sát:

1) Nhóm giáo viên chịu trách nhiệm hướng dẫn các học sinh tình nguyện nhằm hỗ trợ, tư vấn cách tổ chức hoạt động cho mỗi chủ điểm ngôn ngữ; đồng thời, nhóm giáo viên này sẽ theo dõi tiến độ và kết quả thực hiện.

2) Học sinh tình nguyện được chia thành tổ để thuận lợi trong việc thảo luận các hoạt động cho mỗi bài dạy và báo cáo cho giáo viên hướng dẫn về tiến độ và kết quả thực hiện của mỗi nhóm.

3) Mỗi học sinh tình nguyện sẽ hướng dẫn cho 01 nhóm gồm 06 đến 10 học sinh đang gặp khó khăn về ngôn ngữ; mỗi tuần, mỗi nhóm tổ chức học ít nhất là 06 tiết, thời gian và địa điểm do các thành viên trong nhóm thống nhất (thường địa điểm chọn trong khu kí túc xá của trường phổ thông dân tộc nội trú). Thời gian dự kiến cho mỗi nhóm trong một đợt học là 60 tiết (6 tiết/1 tuần, mỗi đợt học gồm 10 tuần).

4) Mỗi học sinh tình nguyện lập phiếu báo cáo về thời gian học, nội dung học, kết quả ghi nhận và những đề xuất (nếu có) thuộc nhóm mình hướng dẫn để gửi cho tổ trưởng, tổ trưởng tổng hợp và báo cáo cho giáo viên hướng dẫn.

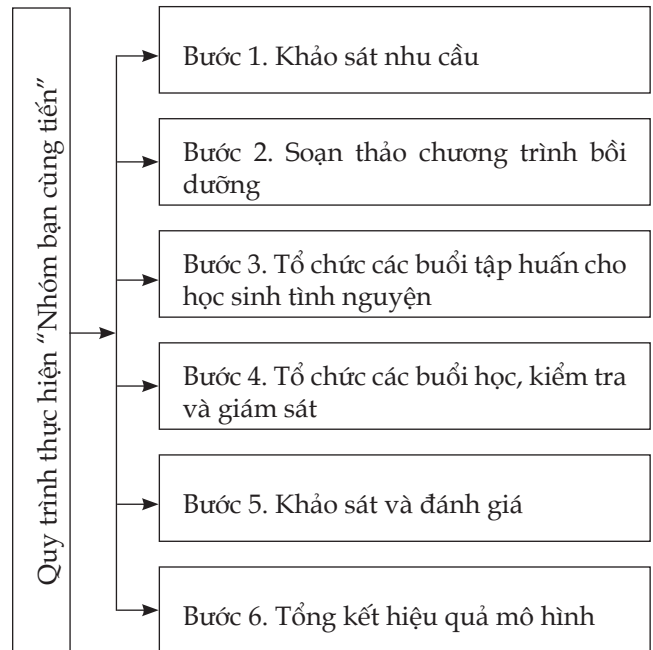
5) Giáo viên hướng dẫn họp với lãnh đạo nhà trường theo định kì (2 tuần, họp 1 lần) để báo cáo kết quả thực hiện của các nhóm và giải quyết những vướng mắc (nếu có).

6) Học sinh tham gia lớp sẽ được làm bài kiểm tra viết số 1 (60 phút) sau khi học xong 45 tiết và bài kiểm tra viết số 2 (60 phút) sau khi học xong 60 tiết.

Bước 5. Khảo sát và đánh giá: Nhóm giáo viên chuyên trách sẽ tổ chức khảo sát khả năng sử dụng tiếng Việt và tiếng Khmer của học sinh tham gia. Kết quả khảo sát sẽ được báo cáo cho lãnh đạo nhà trường.

Bước 6. Tổng kết hiệu quả mô hình: Lãnh đạo nhà trường và nhóm giáo viên chuyên trách dựa trên kết quả khảo sát khả năng sử dụng ngôn ngữ của học sinh để đánh giá hiệu quả của mô hình, từ đó định hướng cho hoạt động tiếp theo. Đồng thời có phần

thưởng cho các nhóm có sự tiến bộ.



Sơ đồ 1: Quy trình thực hiện “Nhóm bạn cùng tiến”

b. Quy trình “Câu lạc bộ ngôn ngữ của học sinh và vì học sinh” để nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, tiếng Khmer và tiếng Anh cho học sinh ở trường phổ thông dân tộc nội trú vùng Đồng bằng Sông Cửu Long

Bước 1: Khảo sát nhu cầu (do Đoàn thanh niên, học sinh tình nguyện, giáo viên thực hiện).

Bước 2: Lập kế hoạch và phân công nhiệm vụ và soạn thảo nội dung chủ đề sinh hoạt câu lạc bộ hàng tháng (do giáo viên đảm nhận).

Bước 3: Chuẩn bị địa điểm trang thiết bị, cơ sở vật chất (do Đoàn thanh niên, giáo viên thực hiện).

Bước 4: Tổ chức các buổi tập huấn cho học sinh tình nguyện tham gia câu lạc bộ.

Bước 5: Tổ chức hoạt động câu lạc bộ theo chủ đề đã đề ra hàng tháng (do Tổ khảo sát, lãnh đạo nhà trường, giáo viên, học sinh tình nguyện và học sinh thụ hưởng chương trình câu lạc bộ thực hiện); theo đó, nội dung hoạt động theo chủ đề sinh hoạt gồm các mục: 1) Giới thiệu làm quen; 2) Báo cáo của cá nhân về thông tin của những người đã tương tác; 3) Tổ chức trò chơi, sở thích/dự định cá nhân; 4) Lập kế hoạch tương lai, thảo luận nhóm.

Bước 6: Tổng kết đánh giá mô hình câu lạc bộ (do Tổ khảo sát, lãnh đạo nhà trường, giáo viên thực hiện).

3.2.5. Điều kiện thực hiện mô hình

Cần có sự chỉ đạo, giám sát, kiểm tra chặt chẽ

của cả hệ thống quản lí, nhất là vai trò của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường phổ thông dân tộc nội trú sẽ là yếu tố quyết định sự thành công của hoạt động này. Đồng thời, cần có sự phối hợp của Đoàn thanh niên trong việc huy động tình nguyện viên, quảng bá, giới thiệu nội dung hoạt động và khuyến khích, hỗ trợ học sinh đang gặp khó khăn tham gia tích cực, thường xuyên và hiệu quả. Với lực lượng tham gia mô hình (trực tiếp là giáo viên chuyên trách) phải thể hiện vai trò trách nhiệm lớn nhất trong việc hướng dẫn học sinh tham gia; trong đó, giáo viên phải quan tâm, chú trọng hướng dẫn tình nguyện viên cách tổ chức các hoạt động; nhà trường cần đảm bảo có đủ các điều kiện về kinh phí, thiết bị phục vụ thực hiện mô hình và huy động các tổ chức xã hội có kinh phí hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh kinh tế gia đình đặc biệt khó khăn để phục vụ mô hình này.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, phát triển năng lực

sử dụng ngôn ngữ cho học sinh người Khmer ở các trường phổ thông dân tộc nội trú vùng Đồng bằng Sông Cửu Long được đánh giá cao và được triển khai hiệu quả về mặt nội dung và mục tiêu. Tuy nhiên, về năng lực sử dụng tiếng Việt, tiếng Khmer, tiếng Anh của học sinh người Khmer và các phương pháp, hình thức quản lí được đánh giá ở mức trung bình; do vậy, để nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh cần được giải quyết bằng những biện pháp thích hợp từ xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu, tổ chức bồi dưỡng, môi trường bồi dưỡng và mô hình triển khai. Đồng thời, cần coi trọng và đề cao tính tích cực, tự giác, sáng tạo của học sinh dưới sự tổ chức, chỉ đạo, điều khiển, quản lí của giáo viên.

Lời cảm ơn: Nhóm tác giả cảm ơn sự tài trợ của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nafosted) qua đề tài “Nghiên cứu quản lí đảm bảo chất lượng giáo dục học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú ở Việt Nam đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018”, mã số: NCUD.05-2022.16.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể*, Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Bernd, M. & Nguyễn Văn Cường. (2014). *Lí luận dạy học hiện đại - Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- Lê Hoàng Dự. (2021). *Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục ở các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Cà Mau trong bối cảnh đổi mới giáo dục*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh Cà Mau, theo Quyết định số 279/QĐ-SKHCN ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau về việc Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh.
- Nguyễn Thị Thu Huyền & Đặng Quốc Bảo (đồng chủ biên). (2013). *Một số vấn đề lí luận và thực tiễn về quản lí trường phổ thông dân tộc nội trú*. NXB Văn hóa - Thông tin.
- Nguyễn Văn Đệ (Chủ biên) & Phạm Minh Hùng. (2013). *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học quản lí giáo dục*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Thiều Văn Nam. (2020). Phát triển đội ngũ giáo viên dạy tiếng Khmer các trường dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang đáp ứng nhu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục. *Tạp chí Giáo dục*, 273-276.
- Thieu, V. N. & Nguyen, P. H. (2020). Predicting the number of teachers and students at the ethnic minority boarding schools in the Mekong delta region, Vietnam. *International Journal of Education and Research*, Vol. 8, No. 8, August 2020. Retrieved from <https://www.ijern.com/August-2020.php>, 81-90